

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS - ST

Ngày: 30-9-2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**N D A N H
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN V**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hiếu.

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn
2. Ông Nguyễn Quang Kim

- *Thư ký phiên tòa:* Bà: Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án N dân huyện V.

- *Đại diện Viện Kiểm sát N dân huyện V tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST- DS ngày 03/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST- DS ngày 20/8/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 10/9/2021, giữa các đương sự:

*** *Nguyên đơn:*** Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, Bắc Giang

*** *Bị đơn:*** Anh Phạm Đình N, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm B, Thôn L, xã T, huyện V, Bắc Giang

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị N là anh Đỗ Văn B

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, Bắc Giang (Có mặt)

2. Chị Chu Thị C, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm B, Thôn L, xã T, huyện V, Bắc Giang

Người làm chứng:

1. Ông Vũ Văn C, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Hoàng Công D, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang

4. Ông Phạm Đình S, sinh năm 1938 (Vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1942 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm B, Thôn L, xã T, huyện V, Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, cũng N tại phiên toà hôm nay, người nhận ủy quyền lại của nguyên đơn anh Đỗ Văn B trình bày:

Anh và anh Phạm Đình N (Phạm Văn N) là người cùng xã. Anh là người đi thu cá thịt ở các ao sau đó bán lại cho các xe đi các chợ. Từ ngày 08/4/2014, anh N đến đặt vấn đề lấy cá của anh để mang đi bán. Hai bên thỏa thuận miệng, không có văn bản, nội dung hợp đồng là anh N nhập cá của anh trước, anh sẽ ghi sổ theo dõi khối lượng cá trong sổ của anh, đến lần nhập tiếp theo người mua sẽ phải thanh toán tiền của đợt mua trước mới được nhập tiếp. Do anh N nhiều lần không thanh toán tiền đúng hạn nên anh đã yêu cầu 02 bên xác định số tiền chưa thanh toán và không tiếp tục bán cá cho anh N. Ngày 27/8/2014, 02 bên đối chiếu cộng sổ xác định anh N còn nợ anh số tiền 29.323.000 đồng, chị N là người viết giấy ghi nợ, anh N ký nhận nợ. Thời điểm đó vợ chồng anh chỉ biết tên của anh N mà không biết họ và tên đệm của anh N và biết vợ anh N tên là C, bố tên S nhà ở Xóm B, Thôn L, xã T, huyện V, Bắc Giang. Khi vợ chồng anh hỏi anh N họ gì thì anh N nói họ Phạm nên chị N đã viết là Phạm Văn N, anh N khi đọc và ký tên cũng ghi Phạm Văn N mà không yêu cầu ghi đúng tên là Phạm Đình N. Anh không biết lý do vì sao anh N lại không yêu cầu sửa lại tên đệm cho đúng.

Sau đó anh nhiều lần đến đòi tiền anh N Nng anh N khát nợ chưa trả. Bố mẹ anh N là ông S, bà Ngải, vợ anh N là chị C cũng biết việc này.

Tại phiên tòa anh B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc anh Phạm Đình N có trách nhiệm trả vợ chồng anh số tiền 29.323.000 đồng. Anh không yêu cầu anh N phải trả lãi.

Chị Nguyễn Thị N: Đồng ý với yêu cầu của anh B. Cả anh B và chị N không yêu cầu xem xét áp dụng về thời hiệu khởi kiện.

Bị đơn là anh Phạm Đình N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Chu Thị C vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai tại tòa.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Các Điều 144, 147, 271, 273, 278 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các Điều 122, 428, 431, 438 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 27, Điều 37 luật hôn N gia đình; khoản 2 Điều 26 NQ 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Phạm Đình N có trách nhiệm trả vợ chồng anh Đỗ Văn B và chị Nguyễn Thị N số tiền 29.323.000 đồng.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn là anh Phạm Đình N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Chu Thị C, đều được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 vẫn vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị N vắng mặt Nng người đại diện theo ủy quyền của chị N là anh Đỗ Văn B có mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Hợp đồng mua bán tài sản. Xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú trên địa bàn huyện V vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện V, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Xét thời hiệu khởi kiện: Mặc dù không còn thời hiệu khởi kiện Nng do không ai đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện nên theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[1.4] Quyền khởi kiện: Do bên mua vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó bên bán là anh Đỗ Văn B có quyền khởi kiện yêu cầu bên mua là anh Phạm Đình N phải trả số tiền chưa thanh toán.

[1.5] Áp dụng pháp luật: Thời điểm các bên giao kết và thực hiện hợp đồng là năm 2014 nên cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung khởi kiện:

Xét hợp đồng mua bán tài sản: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn đã giao nộp giấy nhận nợ, sổ theo dõi việc mua bán cá. Bản ghi âm đoạn hội thoại giữa vợ chồng anh B và vợ chồng anh N, bản ghi âm đoạn hội thoại giữa anh B và ông S. Nội dung giấy ghi nợ: Anh Phạm Văn N nợ anh Đỗ Văn B 29.323.000 đồng từ việc mua cá. Theo nguyên đơn khai không biết họ và tên đệm của anh N, chỉ biết tên anh N, tên vợ và tên bố mẹ anh N, địa chỉ nhà anh N, khi hỏi họ gì thì anh N nói họ Phạm không nói tên đệm là Đình nên đã ghi là Phạm Văn N vào giấy ghi nợ. Anh N không yêu cầu sửa lại tên đệm và đã ký nên anh vẫn cho rằng anh N họ tên đầy đủ là Phạm Văn N. Qua xác minh tại Thôn Xóm B, Thôn L, xã T chỉ có 01 người tên Phạm Đình N có vợ là Chu Thị C, bố là Phạm Đình S. Ông S khai năm 2014 anh N có mua cá của anh B Nng ông không biết hai bên có nợ tiền nhau không. Khi khởi kiện bị đơn đã gửi đơn và các tài liệu cho bị đơn biết, bị đơn đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, và các văn bản tố tụng khác của Tòa án Nng đều không đến Tòa làm việc. Hội đồng xét xử thấy rằng bị đơn đã từ bỏ quyền của mình. Tại phiên tòa người làm chứng là ông C và anh Dương khai có biết anh B và anh N, anh B là người đi mua cá ở các hồ, anh N là người đến nhập cá của anh B. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng anh Phạm Văn N trong giấy ghi nhận nợ chính là anh Phạm Đình N, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm Bải, thôn Lương Viên, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Khi giao kết hợp đồng, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện. Nội dung, hình thức của hợp đồng phù hợp với pháp luật, mục đích giao dịch không trái pháp luật, đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 122, 428 Bộ luật dân sự 2005. Do đó Hợp đồng mua bán tài sản giữa 02 bên phát sinh hiệu lực đối với tất cả các bên.

Có đủ căn cứ để xác định, sau khi thỏa thuận bên bán là anh B đã giao đúng tài sản theo thỏa thuận. Bên mua đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận vi phạm Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005.

Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc anh Phạm Đình N phải trả anh Đỗ Văn B và chị Nguyễn Thị N số tiền 29.323.000 đồng.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Các Điều 144, 147, 271, 273, 278 Bộ luật tố tụng

dân sự 2015; Các Điều 122, 328, 331, 338 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 26 NQ 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Phạm Đình N phải có trách nhiệm trả cho Đỗ Văn B và chị Nguyễn Thị N số tiền 29.323.000 đồng (hai mươi chín triệu ba trăm hai ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Anh Phạm Đình N phải chịu 1.466.000 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Đỗ Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001427 ngày 20/11/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trong thời hạn bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thân Văn Hiếu